TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-PT
Ngày 17-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1952; bị cáo có vợ tên Dương Thị Kim D, sinh năm 1990 và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2022 cho đến nay; có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên ông Ông Minh P là bị hại có mặt tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/8/2022, Ông Minh P, Nguyễn Duy T1, Nguyễn Long V và Lê Duy T2 làm ca sáng tại xưởng A của Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ V (gọi tắt là Công ty V) thuộc ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đến 11 giờ 30 cùng ngày P, T1, V, T2 nghỉ ăn cơm và về nghỉ trưa ngay tại xưởng làm việc. Khi thức dậy để làm việc thì P phát hiện điện thoại Iphone màu xanh, loại 13 Promax 128G của mình bị mất nên đã cùng T1, V và T2 tìm xung quanh khu vực làm việc nhưng không thấy điện thoại. Sáng 25/8/2022, P đến Công an xã Đ, huyện B gửi đơn trình báo sự việc đồng thời đến cửa hàng điện thoại làm lại sim số thuê bao 0377****** để sử dụng. Ngày 11/9/2022, P sử dụng sim số đã làm lại để định vị xác định vị trí điện thoại di động đã bị mất. Theo chỉ dẫn trên hệ thống định vị điện thoại, P tìm đến địa chỉ nhà ông Trần Văn D (em ruột của Trần Văn T) tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại đây, P gặp T đang có mặt tại nhà của D, qua trao đổi T đã thừa nhận chính T là người đã trộm cắp chiếc điện thoại di động của P trong lúc P đang ngủ trưa tại Công ty V vào ngày 24/8/2022, đồng thời T lấy chiếc điện thoại trả lại cho P ngay tại nhà của D. Ngày 12/9/2022, T đến trụ sở Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 24/8/2022, Trần Văn T đến xưởng A của Công ty V để làm việc ca chiều thì thấy các công nhân đang ngủ trưa, trong đó có P đang nằm ngủ trên bàn cắt may nhưng chiếc điện thoại Iphone 13 Promax của P để bên cạnh không người trông coi nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của P để bán lấy tiền tiêu xài. T đi đến bên cạnh nơi P nằm ngủ, dùng tay lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi đến bụi cỏ cạnh nhà vệ sinh Công ty ở khu vực tầng trệt khu vực xưởng cắt giấu, sau đó T trở về tổ cắt làm việc bình thường. Khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, sau khi tan ca làm việc, T đến nơi cất giấu điện thoại lấy chiếc điện thoại Iphone giấu vào túi quần mang về nhà của T tại phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương cất giấu trong ngăn tủ. Ngày 28/8/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 69K1-137.03 mang theo chiếc điện thoại đã trộm cắp được của P đến khu vực phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương để bán. Các tiệm điện thoại tại đây đồng ý mua chiếc điện thoại của T giá 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) nhưng họ không mở được mật khẩu nên đã từ chối mua. Đến 07 giờ 00 sáng ngày 11/9/2022, T lấy chiếc điện thoại của P bỏ vào cốp xe mô tô biển số 69K1-137.03 để tìm nơi bán, đồng thời dùng xe mô tô trên chở vợ và 02 con đến nhà em trai ruột của T là ông Trần Văn D để chơi thì bị ông P phát hiện như đã nêu trên.

Công an xã Đ tạm giữ Trần Văn T, vật chứng, đồ vật có liên quan gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xám, biển số 69K1-137.03; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 69K1-137.03 mang tên Nguyễn Thanh H; 01 (một) căn cước công dân số 038********* mang tên Trần Văn T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, loại 13 Promax 128G, số IMEI: 356**********, số máy: MNCP3LL/A, số sê ri: W5L9VFGCVW. Công an xã Đ tiến hành xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KLHĐ-ĐGTS, ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Dương xác định tài sản là 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, loại 13 Promax 128G, màu xanh trị giá 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2022 bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm mức hình phạt tù và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Trần Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn lén lút chiếm đoạt điện thoại của bị hại trị giá 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Ngoài ra, bị cáo và bị hại làm chung công ty với nhau, biết bị hại là người chưa thành niên nhưng bị cáo vẫn chiếm đoạt điện thoại của bị hại và mang đi bán ở nhiều nơi mà không có ý định trả lại cho bị hại. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Hình phạt 08 (tám) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với hành vi của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 00 ngày 24/8/2022 tại Công ty V thuộc ấp S, ỹ Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Văn T đã lợi dụng lúc ông Ông

Minh P sơ hở để lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone màu xanh, loại 13 Promax 128G, trị giá 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 08 (tám) tháng tù là không nặng nên yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, bị cáo T có 01 (một) tình tiết tăng nặng là "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo nhất thời phạm tội; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi giao trả cho bị hại; sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo T được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Việc không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của bị cáo Trần Văn T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Trần Văn T về hình phạt như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, ĐHN, 20.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Huy Cường